

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 36/2024/DS-ST

Ngày: 16 - 8 - 2024.

*“V/v: Kiện tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG – TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Long và bà H’ Jel Mlô

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Kông Năng tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2024/TLST- DS ngày 30 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 7 năm 2024, và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2024/QĐST - DS ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân T

Địa chỉ: Thôn L, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Văn V (Văn bản ủy quyền ngày 23/5/2024, có mặt).

Địa chỉ: D T, thị trấn K, huyện K, Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Hồng L (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T và người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Hồ Văn V trình bày:

Ông Nguyễn Xuân T và bà Phạm Thị Hồng L trước đây là vợ chồng, đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 162/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi ly hôn chị L còn nợ ông T số tiền 80.000.000đ nên ngày 30/8/2023 ông T và bà L đã ký kết Hợp đồng vay tiền với nội dung: Bà L vay của ông T số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Lãi suất hai bên thỏa thuận, thời hạn trả nợ gốc và nợ lãi là ngày 30/12/2023. Hợp đồng vay tiền giữa ông T và bà L được Văn phòng C công chứng ngày 30/8/2023, số công chứng 004753, quyền số 08/2023TP/CC-SCC/HĐGD. Kể từ khi đến hạn trả nợ cho đến nay ông T đã nhiều lần yêu cầu bà L hoàn trả số tiền nợ gốc, nợ lãi, nhưng bà L không thực hiện theo thỏa thuận.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Hồng L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Xuân T số tiền nợ tính đến ngày xét xử là 87.689.000 đồng (T1 mười bảy triệu sáu trăm tám mươi chín ngàn đồng), trong đó nợ gốc là 80.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 30/8/2023 đến ngày xét xử, mức lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS (10%/năm), là 7.689.000 đồng. Tiếp tục tính lãi suất 10%/năm đối với số nợ gốc cho đến khi trả xong nợ.

- Quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị Hồng L vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần.

*** Tại phần tranh luận, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Phạm Thị Hồng L phải trả cho ông Nguyễn Xuân T số tiền nợ gốc 80.000.000đ và tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

+ Về án phí: Bị đơn có lỗi và phải thực hiện nghĩa vụ, nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, tài liệu khác, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Giữa ông Nguyễn Xuân T với bà Phạm Thị Hồng L đã xác lập giao dịch vay tiền. Do ông T cho rằng bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên đã khởi kiện yêu cầu buộc bà L thanh toán nợ gốc, nợ lãi. Vì vậy. HĐXX xác định quan hệ pháp luật là “Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, tổng đạt thông báo thụ lý cũng như kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Tuy nhiên bà Phạm Thị Hồng L đã không có mặt để làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi khi nhận được các thông báo của Tòa án. Vì vậy Tòa án căn cứ vào tài liệu do nguyên đơn cung cấp để làm căn cứ giải quyết vụ án. Cụ thể như sau:

+ Về số tiền vay: Ông T cho rằng đã cho bà L vay số tiền 80.000.000đ. Tài liệu chứng cứ để xác định việc ông T cho bà L vay tiền là “Hợp đồng vay tiền” giữa ông T và bà L, được Văn phòng công chứng Đàm Mạnh H công chứng số 004753, quyền số 08/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/8/2023. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho bà L biết về việc ông T nộp tài liệu chứng cứ này, nhưng bà L không phải đổi. Vì vậy, HĐXX xác định bà L đã vay của ông T số tiền 80.000.000đ.

+ Về số tiền đã trả: Ông Nguyễn Xuân T khởi kiện yêu cầu trả tiền nợ gốc 80.000.000đ và tiền lãi phát sinh. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, kết quả công khai chứng cứ cho bà Phạm Thị Hồng L. Tại các văn bản nêu trên đều xác định rõ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông T, nhưng bà L không phản đối và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông T. Vì vậy, HĐXX xác định bà L chưa trả nợ gốc, nợ lãi cho ông T. Tại thời điểm khởi kiện thì khoản nợ mà bà L vay ông T đã quá thời hạn, vì vậy việc ông T yêu cầu bà L trả nợ gốc, nợ lãi là có căn cứ.

+ Về lãi suất tiền vay: Tại hợp đồng mà hai bên đã ký kết có thỏa thuận về lãi suất đối với số tiền vay, nhưng không xác định mức lãi suất. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, buộc bà Phạm Thị Hồng L phải trả cho ông Nguyễn Xuân T số tiền nợ gốc là 80.000.000đ, nợ lãi là $80.000.000đ \times 10\%/năm \times 11 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} = 7.689.000đ$. Tiếp tục tính lãi đối với số nợ gốc cho đến khi trả xong nợ.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Hồng L là người có lỗi và phải thực hiện nghĩa vụ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tổng số tiền án phí phải chịu là $87.689.000đ \times 5\% = 4.384.000đ$ (Tính tròn số).

Nội dung khởi kiện của ông T Nguyễn Xuân T được chấp nhận, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T.

Buộc bà Phạm Thị Hồng L phải trả cho ông Nguyễn Xuân T số tiền 87.689.000đ (Tám mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi chín ngàn đồng), bao gồm: Nợ gốc là 80.000.000đ, nợ lãi là 7.689.000đ.

Tiếp tục tính lãi suất 10%/năm đối với số nợ gốc, kể từ ngày 17/8/2024 cho đến khi trả xong nợ.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Hồng L phải nộp 4.384.000đ (Bốn triệu ba trăm tám mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Xuân T số tiền 2.064.000đ (Hai triệu không trăm sáu mươi tư ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2022/0002516 ngày 16/01/2024

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 là ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

BÙI NGỌC SAN